

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2019



EVN PECC3

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3**
Năm báo cáo: **Năm 2018**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 13/02/2018.
- Vốn điều lệ: 82.760.800.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.760.800.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.

- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.
- w) Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống PCCC cho các công trình.
 - Địa bàn kinh doanh:
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.



- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đèn bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
 - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

- + Chi nhánh Miền Trung:


Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

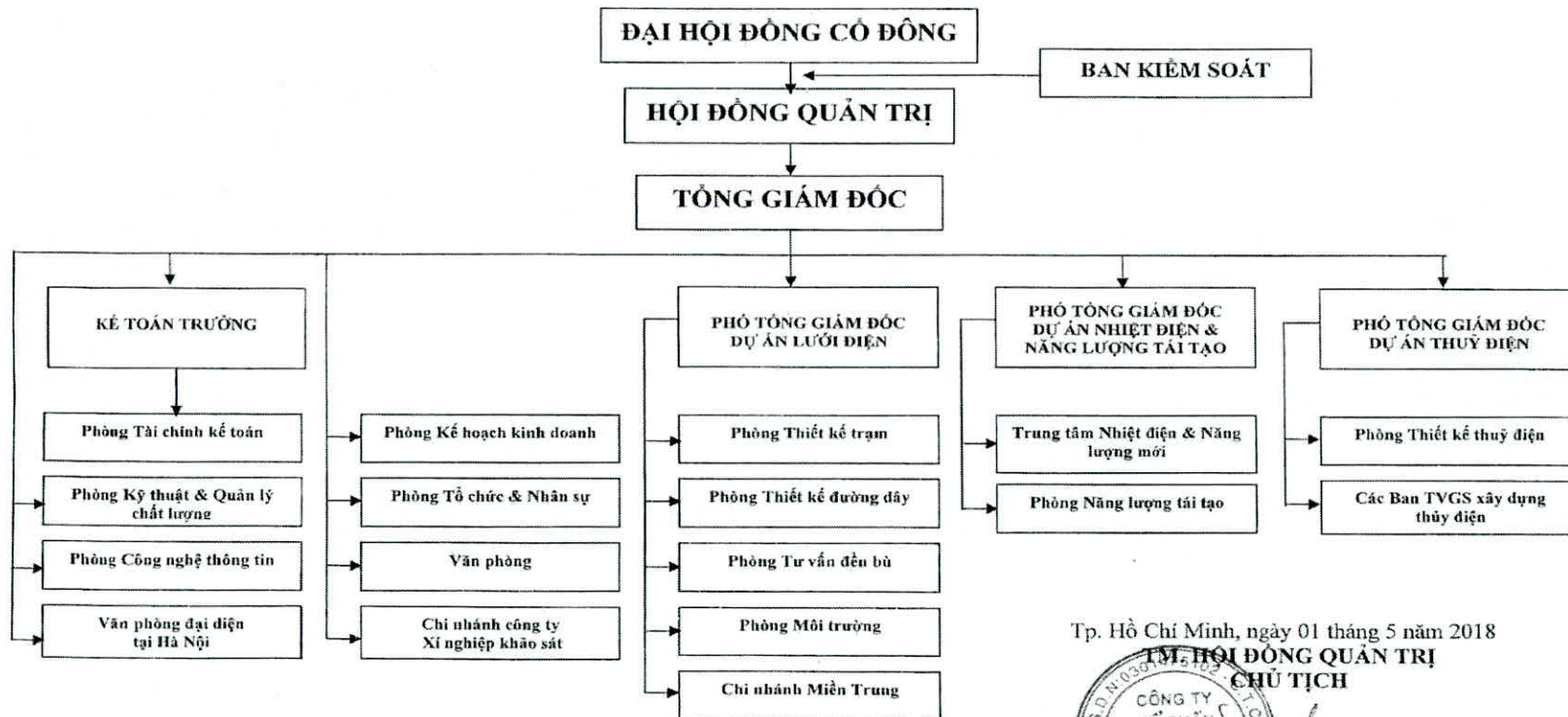
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

- + Văn phòng đại diện tại Hà Nội

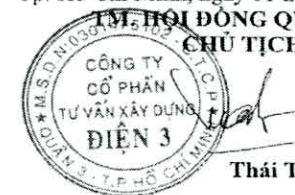
Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.

	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần ban hành: 03	MS: SD-NS-01
	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	Ngày ban hành: 01/11/2010	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 5 năm 2018



Thái Tuấn Tài

5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và Khu vực.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Giá trị cốt lõi:

- Chính trực – Tin cậy
- Chuyên nghiệp – sáng tạo – hiệu quả
- Học hỏi – phát triển
- Đoàn kết – hợp tác – thân thiện

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Tăng trưởng doanh thu hợp lý. Nghiên cứu việc mở rộng thị trường ra các nước Lào và Cam Pu Chia.

+ Đa dạng loại hình dịch vụ cung cấp, đa dạng khách hàng. Tăng dần tỷ trọng khách hàng ngoài ngành, tăng mức nhận biết thương hiệu TV3 với các khách hàng ngoài ngành.

+ Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.

+ Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp tư vấn trong ngành Điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty tư vấn ngoài ngành và ngoài nước.

+ Áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý: phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức. Phát triển năng lực đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của người lao động trong. Từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện mặt trời

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Để phát triển bền vững, công ty hướng đến việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau

+ Phát triển danh mục sản phẩm dịch vụ mới trong đó tập trung vào các mảng: Nhiệt điện, lưới điện, năng lượng tái tạo và các công trình hạ tầng cơ sở và các công trình công nghiệp khác

+ Phát triển thị trường theo hướng tiếp tục chiếm lĩnh thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng sang thị phần khách hàng ngoài ngành năng lượng, đặc biệt chú ý đến các nhà đầu tư lớn cho các công trình công nghiệp. Các sản phẩm trọng tâm được chuyển dịch tỷ trọng theo hướng tăng dần ở mảng năng lượng tái tạo, nhiệt điện và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ. Đồng thời mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Cam Pu Chia...

+ Nghiên cứu, hợp tác để cung cấp gói sản phẩm dịch vụ trọn gói.

+ Tiếp tục công tác tái cấu trúc nội bộ, trong đó trọng tâm là sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của công ty theo hướng hiện đại - tinh gọn - hiệu quả.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp thông qua các chương trình ứng dụng quy trình quản lý hiện đại, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, người lao động ...

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gắn liền chất lượng công việc với đãi ngộ để đảm bảo thu hút và giữ chân được người lao động giỏi.

6. Các rủi ro:

- Công tác quy hoạch phát triển điện có sự vênh nhau giữa quy hoạch phát triển điện quốc gia và quy hoạch điện ở các tỉnh. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.

- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.

- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.

- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh.

- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.

- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thực hiện dự án.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2018 là năm đầu tiên trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2018 – 2022.

Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển



bền vững. Công ty tự tin triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2018 – 2022 của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018:

- **Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt:** 380260 triệu đồng đạt 106.91 % kế hoạch năm 2018.

Trong đó doanh thu tự làm đạt: 332 925 triệu đồng đạt 108,39% kế hoạch năm 2017.

STT	Khối sản xuất	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Tỷ trọng
1	Nhiệt điện	62.29	89.41	143,55%	23.51%
2	Thủy điện	33.34	58.81	176,40%	15.47%
3	Trạm	31.77	65.84	207,20%	17.31%
4	Đường dây	94.93	119.13	125,50%	31.33%
5	NLTT	15.82	45.92	290,26%	12.08%
6	Thuê ngoài - Khác	117.54	1.15	0,98%	0.30%
	Tổng	355.69	380.26	106,91%	100.00%

- **Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:**

Mua sắm tài sản: 2 196 triệu đồng đạt 86,29 % kế hoạch năm 2018

(Điều chỉnh kế hoạch mua sắm theo Nghị quyết số 0218/NQ-HĐQT ngày 25/10/2018)

3. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp Lý luận chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;



Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: TP. Thiết kế trạm Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung - Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi - thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đăk Lăc;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.

d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: TP. Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó TP. Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Kế toán trưởng

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cử nhân kế toán.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 2017: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Từ 01/01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 01/12/2007 đến 31/12/2018: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2018 là: 480 người;

Công ty chúng tôi hiện có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 480 cán bộ công nhân viên trong đó 80% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- Tiến sĩ:	01 người
- Thạc sĩ:	30 người
- Kỹ sư và đại học,	306 người
- Cao đẳng - Trung cấp:	46 người
- Công nhân kỹ thuật:	75 người
- Lao động phổ thông:	22 người

Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Công ty đã quan tâm trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cho người lao động đồng thời luôn cập nhật các tiêu chuẩn chuyên ngành của Việt Nam và quốc tế.

- + Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc tích cực hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Tình hình đầu tư:

- Năm 2018, Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Điện gió Sunpro
- Bến Tre số 8 số tiền 222 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện dự án:

i. Nhiệt điện:

- Dự án Nhiệt điện TBKHH Miền Trung I&II: Tư vấn lập hồ sơ nghiên cứu khả thi, khảo sát và lập hồ sơ nghiên cứu khả thi (tháng 01-2018);
- Dự án TTĐL Long Sơn: Lập báo cáo đầu tư, Báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch vào quy hoạch điện Quốc Gia
- Dự án NMD Bà Rịa II: Lập báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch vào quy hoạch điện Quốc gia;
- Dự án NMD Hiệp Phước: Lập báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch, Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành;
- Tư vấn chính đấu thầu – lập HSMT, đánh giá HS dự thầu và thương thảo hợp đồng EPC dự án NMND Quảng Trạch 1 (2x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2x600MW), phát điện TM1 – tháng 12. 2017 và TM2 – tháng 03. 2018.
- Tư vấn lập TKKT dự án NMND Duyên Hải 3 mở rộng (1x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng (1x600MW) dự kiến vận hành 2019.
- BCNCKT và BCNCKTKT dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV (1050 MW).
- Tư vấn phương án trộn than tăng hiệu suất vận hành nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
- Xúc tiến công tác đấu thầu tìm kiếm hợp đồng các công tác tư vấn nhà máy nhiệt điện.

ii. Thủy điện:

- TVGS thủy điện Đa Nhim Mở Rộng 80MW – Đã phát điện tổ máy tháng 12/2018
- TVGS thủy điện Đa Dâng dự kiến phát điện 2018.
- Thủy Điện Nậm Long 2&3 CHDCND Lào Đang lập TKKT&BVTC năm 2018.

- Thủy điện Hua Way Ka Woan – CHDCND Lào Đang lập KS-TKKT&BVTC năm 2018.
- Thủy điện Nậm Hóa 1 – Đang thiết kế BVTC – năm 2018
- Hoàn thành TKBVTC Dự án thủy điện Sông Bung 2. Thiết kế xử lý sự cố hầm dẫn dòng và tích nước hồ chứa thành công vào tháng 9/2017, Sông Bung 2 đã phát điện vận hành thương mại 2 tổ máy tháng 10/2018.
- Thực hiện TKBVTC Thủy điện ALIN 3 tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Quan trắc chuyển vị công trình các thủy điện: Đa Nhim – Sông Pha; Trị An; Srêpok; Buôn Tuasar; Buôn Kuốp đã hoàn thành trong năm 2018 – Và tiếp tục thực hiện các chu kỳ mới trong năm 2019.
- Phòng chống lũ hạ du Thủy điện Đại Ninh, Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi – Buôn Kuốp – Srêpok 3 – Buôn Tua shar- Sê San 3&4 trong năm 2018&2019.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện

iii. Lưới điện:

- Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2: Hoàn thành BCNCKT, TKKT-TDT. BCNCKT phê duyệt ngày 26/1/2018, TKKT-TDT phê duyệt ngày 27/8/2018. Khởi công ngày 18/12/2018.
- Hoàn thành 80% TKBVTC Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa; TKKT-TDT
- Hoàn thành 50% TKBVTC Đường dây 500kV đấu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia.
- TBA 500KV Long Thành hoàn thiện BCNCKT tháng 8 -2018;
- Hoàn thành BCNCKT, ĐTM dự án Đz 500kV Long Thành-rẽ Phú Mỹ-Sông Mây, phê duyệt BCNCKT tháng 03/2018 hiện đang triển khai TKKT;
- Hoàn thiện BCNCKT TBA 500KV Thanh Hóa, thẩm tra tháng 6/2018.
- Hoàn thành TKKT-TDT, TKBVTC TBA 500KV Chơn Thành trong năm 2018.
- Hoàn thành TKKT-TDT Lắp MBA 500kV, 220kV thứ 2 TBA 500KV Tân Uyên được phê duyệt tháng 5/2018.
- Hoàn thành BCNCKT dự án Lắp đặt 2 ngăn lộ 500kV tại SPP 500kV TTĐL Sông Hậu đấu nối vào NMNĐ Sông Hậu 2 đã hoàn thành tháng 12/2018.
- Hoàn thành 90 % TKBVTC Trạm biến áp 500KV Đức Hòa; Trạm 500kV Tân Uyên và đấu nối.
- Dự án Nâng cấp HT điều khiển bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực miền Trung, hoàn thành TKKT-TDT thẩm định tháng 2/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Cam Ranh phê duyệt tháng 12/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Châu Thành (Hậu Giang) phê duyệt tháng 12/2018.

- Hoàn thành TKKT TBA 220KV Châu Đức và đấu nối được phê duyệt tháng 9 năm 2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Năm Căn và đấu nối phê duyệt BCNCKT tháng 1/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Phan Rí phê duyệt tháng 6/2018, hoàn thành TKKT-TDT, phê duyệt tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Tây Ninh 2 được phê duyệt tháng 5/2018, hoàn thành TKKT-TDT phê duyệt tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT ĐZ 220KV Chợ Thành-Bến Cát phê duyệt tháng 3/2018.
- Hoàn thành BCNCKT Cải tạo đường dây 110kV NĐ Phú Mỹ-Tân Thành thành Đz 4 mạch hỗn hợp 220-110Kv được phê duyệt tháng 10/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà-Lao Bảo được thẩm định xong tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Bá Thiện và Đz 220kV Việt Trì-Tam Dương-Bá Thiện thẩm định tháng 12/2018.
- Hoàn thành TKBVTC lắp máy 2 TBA 220kV Đức Trọng được phê duyệt tháng 9/2018.
- Hoàn thành BCNCKT, TKBVTC lắp máy 2 TBA 220kV-NMTĐ Buôn Kuốp duyệt BCNCKT tháng 8/2018, duyệt TKBVTC tháng 9/2018.
- Hoàn thành BCNCKT ĐZ 220KV Hiệp Bình Phước-Tân Sơn Nhất tháng 11/2018. Hoàn thành BCNCKT TBA 220kV Tân Sơn Nhất tháng 4/2018.
- Đóng điện đưa vào vận hành năm 2018 các công trình: TBA 220kV Bến Cát; Lắp M2 TBA 220kV TP.Nhon Trạch; lắp M3 TBA 220kV Tân Thành, TBA 220kV Quận 8, Đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2; Trang bị 4 bộ giám sát đánh giá tổng quan bản thể MBA 500kV Phú Lâm, Pleiku 2, Đà Nẵng, Hiệp Hòa; Đường dây 220kV Long Phú-Sóc Trăng; Đường dây 220kV Long Phú-Cần Thơ-Trà Nóc; Đường dây 220kV Đông Hà-Huế; Mạch 2- Đz 220kV Cai Lậy-Cao Lãnh; Mạch 2 - Đz 220kV Cao Lãnh- Thốt Nốt và Đz 220kV Nam Sài Gòn - Quận 8.
- Hoàn thành công tác tư vấn ĐTXD các giai đoạn cho hàng chục dự án đường dây và trạm 110kV.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKCS, BCNCKT, TKKT hàng chục các dự án lưới điện 500kV-220kV-110kV.

iv. Quy hoạch phát triển điện lực các tỉnh:

Hoàn thành các đề án QH 2016-2025 xét đến 2035 các tỉnh:

- An Giang HP1 phê duyệt 4/7/2018; HP2 phê duyệt 28/9/2018.
- Bạc Liêu HP1 phê duyệt ngày 18/7/2018.
- Bình Thuận đã hiệu chỉnh xong HP1 thẩm định ngày 16/10/2018.
- Cần Thơ HP1 phê duyệt 06/03/2018; HP2 phê duyệt 04/12/2018
- Đồng Tháp HP1 phê duyệt 15/8/2018; HP2 phê duyệt 26/11/2018.

- Hậu Giang HP1 phê duyệt 21/5/2018; HP2 phê duyệt 11/10/2018.
- Lâm Đồng HP1 phê duyệt 06/11/2018; HP2 đã thẩm định 05/12/2018.
- Long An HP1 phê duyệt ngày 26/2/2018; HP2 phê duyệt 15/06/2018.
- Ninh Thuận HP1 phê duyệt 1/3/2018; HP2 phê duyệt 06/ 7/2018.
- Sóc Trăng HP1 phê duyệt 27/7/2018; HP2 phê duyệt 10/12/2018.
- Tây Ninh HP1 phê duyệt 21/8/2018; HP2 phê duyệt 09/10/2018.
- Tiền Giang HP1 phê duyệt 25/9/2018; HP2 đã trình 14/12/2018.

v. Năng lượng tái tạo và môi trường:

- Hoàn thành công tác lập hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án ĐMT:
 - + ĐMT Tân Châu (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Tây Ninh ngày 04/05/2018.
 - + ĐMT Mỹ Sơn – Hoàn Lộc Việt (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Ninh Thuận ngày 19/01/2018.
 - + ĐMT VNECO-Vĩnh Long (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Vĩnh Long ngày 11/04/2018.
 - + ĐMT Tân Châu (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh ngày 04/05/2018.
 - + ĐMT Sonadezi Châu Đức (70MW) được Thủ tướng phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch điện VII điều chỉnh ngày 09/02/2018.
- Đã hoàn thành công tác thẩm tra các dự án ĐMT và điện gió như sau:
 - + Hoàn thành thẩm tra TKCS ĐMT điện lực Miền Trung ngày 27/07/2018.
 - + Hoàn thành thẩm tra TKKT và TDT ĐMT Trung Nam – GD1 (39,95MW) ngày 03/05/2018.
- Đã hoàn thành công tác lập BCNCKT các dự án ĐMT như sau.
 - + ĐMT Sao Mai (210MW): Hoàn thành BCNCKT Chủ đầu tư phê duyệt ngày 23/06/2018; ĐTM Bộ TN&MT phê duyệt ngày 24/5/2018
 - + Hoàn thành BNCKT ĐMT Phước Hữu – ĐL1 được Sở Công Thương thông qua TKCS ngày 22/06/2018;
 - + Hoàn thành công tác khảo sát phục vụ lập BCNCKT, lập BCNCKT, lập HSMT, đánh giá HSDT và hỗ trợ thương thảo hợp đồng gói thầu EPC ĐMT Vĩnh Tân 2 (50MW) đã được chủ đầu tư phê duyệt ngày 07/08/2018 cho công tác lập BCNCKT và công tác lập HSMT, đánh giá HSDT và hỗ trợ thương thảo hợp đồng gói thầu EPC ngày 29/11/2018.
 - + Hoàn thành BCNKT ĐMT BMT (30MW) được Sở Công Thương tỉnh Đak lak thông qua TKCS ngày 08/10/2018.
- Các dự án ĐMT và điện gió trong năm 2018 và tiếp tục thực hiện:

- + Lập BSQH các dự án NMD gió: NMD gió B&T (200MW); NMD gió Đàm Nại giai đoạn 3-4 (50MW), NMD gió GoldWind 1,2&3 (3x50MW), BPP Vĩnh Châu giai đoạn 2&3 (2x30MW), NMD gió Hướng Sơn 2 (50MW).
 - + Lập BSQH các dự án ĐMT: ĐMT Đồng Nơ (50MW), ĐMT Châu Pha (50MW), ĐMT Đồng Xoài (50MW), ĐMT Marshall An Giang (50MW)
 - + Lập BCNCKT các dự án ĐMT Phú Lạc (50MW), ĐMT EASUP (50MW);
 - + Lập BCNCKT các NMD gió: Sunpro-Bến Tre (30MW), BPP Vĩnh Châu giai đoạn 1 (30MW), NMD gió Công Hải 1 (30MW), NMD gió Hiệp Thạnh (78MW), NMD gió Hướng Phùng 1 (30MW).
 - + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng EPC các dự án ĐMT: BMT (30MW); Vĩnh Tân 2 (50MW).
 - Tham gia tổ hợp nghiên cứu phát triển NMD gió ngoài khơi Kê Gà với quy mô 3400 MW (6 giai đoạn) là dự án năng lượng gió trên biển đầu tiên và có quy mô lớn nhất tại Việt Nam hiện nay.
- c. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

5. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/ %
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	276.322	290.975	105,30%
Doanh thu thuần	400.018	380.265	95,06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	17.691	29.295	165,59%
Lợi nhuận khác	85	(10.603)	-12.474,11%
Lợi nhuận trước thuế	17.776	18.692	105,15%
Lợi nhuận sau thuế	13.961	14.456	103,55%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			



Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,20	1,14	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,02	1,00	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,84	1,86	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,73	9,08	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,45	1,31	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,5%	3,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,34%	14,21%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,05%	4,97%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,42%	7,70%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 8.276.080 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 29.27%
- Tôn Thất Hùng: 19.51%

b- Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 955/2018-TV3/VSD-ĐK ngày 26 tháng 16 năm 2018 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 82.760.825.000 đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 40.371.340.000 đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 25.365.970.000 đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 55.463.420.000 đồng
- Vốn nước ngoài (cá nhân)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	280
Yamazaki Atsushi	IS 0469	Nomura house, 1 St Martin's -le - Grand, London EC1A 4NP	Japan	244

- Vốn nước ngoài (tập thể)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
America LLC	CA5883	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	St Kitts and Nevis	192.617

- Cổ đông lớn:

- + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 4.037.134 cổ phần
- + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 634.858 cổ phần
- + Ông Trần Quốc Điền: 448.215 cổ phần

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng từ 48.684.270.000 đồng lên 82.760.825.000 đồng. Do Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 70%.

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

8. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2018: 480 người
 - Mức lương trung bình của NLD năm 2018: 18.767.000đ/người
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- Công ty đã xây dựng nội quy về an toàn vệ sinh lao động với đầy đủ các nội dung quy định và được treo ở nơi làm việc.
 - Hàng năm, Công ty đều mời các đơn vị chuyên môn đến Công ty đo đạc, giám sát môi trường làm việc. Các thông số môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe cho NLD.
 - Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLD. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng cũng xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
 - Từ ngày 31/5/2018 đến 31/7/2018 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tỷ lệ khám đạt 98%, tổng chi phí: 456.954.000 đồng.
 - Đối với NLD mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLD.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động:
- Năm 2018, Công ty đặt trọng tâm đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ và đào tạo bổ sung kiến thức cho kỹ sư tư vấn, trong đó chú trọng nội dung huấn luyện nội bộ và tự đào tạo.
 - Thể hiện qua 75 chương trình gồm đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn và quản lý. Tổng số lượt người được đào tạo là 2271 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo thường xuyên (Các khóa kỹ năng dành cho nhân viên các phòng nghiệp vụ)	1017	12
II	Đào tạo theo chuyên đề (Dành cho nhân viên trực tiếp và cán bộ quản lý)	636	18
1	Năng lượng tái tạo (dành cho nhân viên)	66	20
2	Điện (dành cho nhân viên)	218	24

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
3	Kỹ thuật xây dựng (dành cho nhân viên)	166	40
4	Đào tạo về Quản lý (dành cho CB quản lý và cán bộ điện quy hoạch)	168	40
	Tổng cộng	2271	

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hưởng ứng kêu gọi của EVN đóng góp Quỹ Tương trợ xã hội để ủng hộ 01 huyện miền núi tỉnh Lai Châu, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 01 ngày lương.

Phát động trong toàn Công ty vận động NLĐ tự nguyện đóng góp “Vì người nghèo”: quyên góp được gần 50 triệu đồng.

Ủng hộ chương trình đi bộ “Vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2018” do Hội chữ Thập đỏ Tp.HCM phối hợp với Đài truyền hình VN và Công ty CP Phát triển Truyền thông Việt Nam tổ chức.

Ủng hộ 40 xuất quà ủng hộ các hộ nghèo ăn Tết Kỷ Hợi (20 hộ nghèo tại xã Ea phê, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk; 20 hộ nghèo tại TP.HCM)

Hưởng ứng “Tuần Lễ Hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3) đã phát động chương trình hiến máu “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại". Tổ chức Hiến máu nhân đạo vào ngày 28/12/2018. Tổng cộng có 40 CB-CNVC đã tham gia hiến máu nhân đạo.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2018, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện các dự án trong đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định 428 QĐ-TTg ngày 18/3/2016 và các dự án năng lượng có cơ sở triển khai mạnh mẽ.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành bắt đầu khởi động lại, các dự án của EVN thì triển khai cấp bách, đã khởi công nhiều dự án để đảm bảo nhiệm vụ cung ứng đủ năng lượng điện cho Miền Nam giai đoạn 2018-2020.
- Năm 2018 là năm đầu tiên trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2018 – 2022

với mục tiêu đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ xây dựng thị trường điện bán buôn; chủ trương nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động....

- Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững. Công ty tự tin triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2018 – 2022 của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.
- Thuận lợi:
 - + Công tác tìm việc làm năm 2018 có sự tiến triển, chủ động hơn năm 2017.
 - + Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường.
 - + Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, làm việc trong các lĩnh vực tạo ra nhiều thế mạnh cho Công ty.
- Khó khăn:
 - + Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty.
 - + Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong Công ty.
 - + Công tác đấu thầu để tìm kiếm dự án phát triển điện ngày càng khó khăn.
 - + Công tác nghiệm thu, thanh toán còn chậm.
 - + Chảy máu chất xám.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018:

- **Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt:** 380 260 triệu đồng đạt 106.91 % kế hoạch năm 2018.

Trong đó doanh thu tự làm đạt: 332 925 triệu đồng đạt 108,39% kế hoạch năm 2017

STT	Khối sản xuất	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Tỷ trọng
1	Nhiệt điện	62.29	89.41	143,55%	23.51%
2	Thủy điện	33.34	58.81	176,40%	15.47%
3	Trạm	31.77	65.84	207,20%	17.31%
4	Đường dây	94.93	119.13	125,50%	31.33%
5	NLTT	15.82	45.92	290,26%	12.08%
6	Thuê ngoài Khác	117.54	1.15	0,98%	0.30%
	Tổng	355.69	380.26	106,91%	100.00%

- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

Số TT	Nội dung	Kế hoạch (hiệu chỉnh 22/10/2018)	Thực hiện	Đạt kế hoạch
1	Mua sắm tài sản	2.197	1.577	72%
2	Đầu tư khác	7.700		0%
3	Đầu tư tài chính			0%

3. Tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Nhiệt điện:

- Dự án Nhiệt điện TBKHH Miền Trung I&II: Tư vấn lập hồ sơ nghiên cứu khả thi, khảo sát và lập hồ sơ nghiên cứu khả thi (tháng 01-2018);
- Dự án TTĐL Long Sơn: Lập báo cáo đầu tư, Báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch vào quy hoạch điện Quốc Gia
- Dự án NMD Bà Rịa II: Lập báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch vào quy hoạch điện Quốc gia;
- Dự án NMD Hiệp Phước: Lập báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch, Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành;
- Tư vấn chính đấu thầu – lập HSMT, đánh giá HS dự thầu và thương thảo hợp đồng EPC dự án NMD Quảng Trạch 1 (2x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2x600MW), phát điện TM1 – tháng 12. 2017 và TM2 – tháng 03. 2018.
- Tư vấn lập TKKT dự án NMD Duyên Hải 3 mở rộng (1x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng (1x600MW) dự kiến vận hành 2019.
- BCNCKT và BCNCKT dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV (1050 MW).
- Tư vấn phương án trộn than tăng hiệu suất vận hành nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
- Xúc tiến công tác đấu thầu tìm kiếm hợp đồng các công tác tư vấn nhà máy nhiệt điện.

3.2. Thủy điện:

- TVGS thủy điện Đa Nhim Mở Rộng 80MW – Đã phát điện tổ máy tháng 12/2018
- TVGS thủy điện Đa Dâng dự kiến phát điện 2018.
- Thủy Điện Nậm Long 2&3 CHDCND Lào Đang lập TKKT&BVTC năm 2018.
- Thủy điện Hua Way Ka Woan – CHDCND Lào Đang lập KS-TKKT&BVTC năm 2018.
- Thủy điện Nậm Hóa 1 – Đang thiết kế BVTC – năm 2018

- Hoàn thành TKBVTC Dự án thủy điện Sông Bung 2. Thiết kế xử lý sự cố hầm dẫn dòng và tích nước hồ chứa thành công vào tháng 9/2017, Sông Bung 2 đã phát điện vận hành thương mại 2 tổ máy tháng 10/2018.
- Thực hiện TKBVTC Thủy điện ALIN 3 tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Quan trắc chuyển vị công trình các thủy điện: Đa Nhim – Sông Pha; Trị An; Srêpok; Buôn Tuasar; Buôn Kuốp đã hoàn thành trong năm 2018 – Và tiếp tục thực hiện các chu kỳ mới trong năm 2019.
- Phòng chống lũ hạ du Thủy điện Đại Ninh, Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi – Buôn Kuốp – Srêpok 3 – Buôn Tua shar- Sê San 3&4 trong năm 2018&2019.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện...

3.3. Lưới điện:

- Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2: Hoàn thành BCNCKT, TKKT-TDT. BCNCKT phê duyệt ngày 26/1/2018, TKKT-TDT phê duyệt ngày 27/8/2018. Khởi công ngày 18/12/2018.
- Hoàn thành 80% TKBVTC Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa; TKKT-TDT
- Hoàn thành 50% TKBVTC Đường dây 500kV đấu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia.
- TBA 500KV Long Thành hoàn thiện BCNCKT tháng 8 -2018;
- Hoàn thành BCNCKT, ĐTM dự án Đz 500kV Long Thành-rẽ Phú Mỹ-Sông Mỹ, phê duyệt BCNCKT tháng 03/2018 hiện đang triển khai TKKT;
- Hoàn thiện BCNCKT TBA 500KV Thanh Hóa, thẩm tra tháng 6/2018.
- Hoàn thành TKKT-TDT, TKBVTC TBA 500KV Chơn Thành trong năm 2018.
- Hoàn thành TKKT-TDT Lắp MBA 500kV, 220kV thứ 2 TBA 500KV Tân Uyên được phê duyệt tháng 5/2018.
- Hoàn thành BCNCKT dự án Lắp đặt 2 ngăn lộ 500kV tại SPP 500kV TTĐL Sông Hậu đấu nối vào NMND Sông Hậu 2 đã hoàn thành tháng 12/2018.
- Hoàn thành 90 % TKBVTC Trạm biến áp 500KV Đức Hòa; Trạm 500kV Tân Uyên và đấu nối.
- Dự án Nâng cấp HT điều khiển bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực miền Trung, hoàn thành TKKT-TDT thẩm định tháng 2/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Cam Ranh phê duyệt tháng 12/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Châu Thành (Hậu Giang) phê duyệt tháng 12/2018.
- Hoàn thành TKKT TBA 220KV Châu Đức và đấu nối được phê duyệt tháng 9 năm 2018.

- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Năm Căn và đấu nối phê duyệt BCNCKT tháng 1/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Phan Rí phê duyệt tháng 6/2018, hoàn thành TKKT-TDT, phê duyệt tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Tây Ninh 2 được phê duyệt tháng 5/2018, hoàn thành TKKT-TDT phê duyệt tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT ĐZ 220KV Chơn Thành-Bến Cát phê duyệt tháng 3/2018.
- Hoàn thành BCNCKT Cải tạo đường dây 110kV NĐ Phú Mỹ-Tân Thành thành Đz 4 mạch hỗn hợp 220-110Kv được phê duyệt tháng 10/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà-Lao Bảo được thẩm định xong tháng 11/2018.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220KV Bá Thiện và Đz 220kV Việt Trì-Tam Dương-Bá Thiện thẩm định tháng 12/2018.
- Hoàn thành TKBVTC lắp máy 2 TBA 220kV Đức Trọng được phê duyệt tháng 9/2018.
- Hoàn thành BCNCKT, TKBVTC lắp máy 2 TBA 220kV-NMTĐ Buôn Kuốp duyệt BCNCKT tháng 8/2018, duyệt TKBVTC tháng 9/2018.
- Hoàn thành BCNCKT ĐZ 220KV Hiệp Bình Phước-Tân Sơn Nhất tháng 11/2018. Hoàn thành BCNCKT TBA 220kV Tân Sơn Nhất tháng 4/2018.
- Đóng điện đưa vào vận hành năm 2018 các công trình: TBA 220kV Bến Cát; Lắp M2 TBA 220kV TP.Nhon Trạch; lắp M3 TBA 220kV Tân Thành, TBA 220kV Quận 8, Đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2; Trang bị 4 bộ giám sát đánh giá tổng quan bản thể MBA 500kV Phú Lâm, Pleiku 2, Đà Nẵng, Hiệp Hòa; Đường dây 220kV Long Phú-Sóc Trăng; Đường dây 220kV Long Phú-Cần Thơ-Trà Nóc; Đường dây 220kV Đông Hà-Huế; Mạch 2- Đz 220kV Cai Lậy-Cao Lãnh; Mạch 2 - Đz 220kV Cao Lãnh- Thốt Nốt và Đz 220kV Nam Sài Gòn - Quận 8.
- Hoàn thành công tác tư vấn ĐTXD các giai đoạn cho hàng chục dự án đường dây và trạm 110kV.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKCS, BCNCKT, TKKT hàng chục các dự án lưới điện 500kV-220kV-110kV.

3.4. Quy hoạch phát triển điện lực các tỉnh

Hoàn thành các đề án QH 2016-2025 xét đến 2035 các tỉnh:

- An Giang HP1 phê duyệt 4/7/2018; HP2 phê duyệt 28/9/2018.
- Bạc Liêu HP1 phê duyệt ngày 18/7/2018.
- Bình Thuận đã hiệu chỉnh xong HP1 thẩm định ngày 16/10/2018.
- Cần Thơ HP1 phê duyệt 06/03/2018; HP2 phê duyệt 04/12/2018
- Đồng Tháp HP1 phê duyệt 15/8/2018; HP2 phê duyệt 26/11/2018.
- Hậu Giang HP1 phê duyệt 21/5/2018; HP2 phê duyệt 11/10/2018.
- Lâm Đồng HP1 phê duyệt 06/11/2018; HP2 đã thẩm định 05/12/2018.

- Long An HP1 phê duyệt ngày 26/2/2018; HP2 phê duyệt 15/06/2018.
- Ninh Thuận HP1 phê duyệt 1/3/2018; HP2 phê duyệt 06/ 7/2018.
- Sóc Trăng HP1 phê duyệt 27/7/2018; HP2 phê duyệt 10/12/2018.
- Tây Ninh HP1 phê duyệt 21/8/2018; HP2 phê duyệt 09/10/2018.
- Tiền Giang HP1 phê duyệt 25/9/2018; HP2 đã trình 14/12/2018..

3.5. Năng lượng tái tạo:

- Hoàn thành công tác lập hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án ĐMT:
 - + ĐMT Tân Châu (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Tây Ninh ngày 04/05/2018.
 - + ĐMT Mỹ Sơn – Hoàn Lộc Việt (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Ninh Thuận ngày 19/01/2018.
 - + ĐMT VNECO-Vĩnh Long (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển lực tỉnh Vĩnh Long ngày 11/04/2018.
 - + ĐMT Tân Châu (50MW) được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh ngày 04/05/2018.
 - + ĐMT Sonadezi Châu Đức (70MW) được Thủ tướng phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch điện VII điều chỉnh ngày 09/02/2018.
- Đã hoàn thành công tác thẩm tra các dự án ĐMT và điện gió như sau:
 - + Hoàn thành thẩm tra TKCS ĐMT điện lực Miền Trung ngày 27/07/2018.
 - + Hoàn thành thẩm tra TKKT và TDT ĐMT Trung Nam – GD1 (39,95MW) ngày 03/05/2018.
- Đã hoàn thành công tác lập BCNCKT các dự án ĐMT như sau.
 - + ĐMT Sao Mai (210MW): Hoàn thành BCNCKT Chủ đầu tư phê duyệt ngày 23/06/2018; ĐTM Bộ TN&MT phê duyệt ngày 24/5/2018
 - + Hoàn thành BNCKT ĐMT Phước Hữu – ĐL1 được Sở Công Thương thông qua TKCS ngày 22/06/2018;
 - + Hoàn thành công tác khảo sát phục vụ lập BCNCKT, lập BCNCKT, lập HSMT, đánh giá HSDT và hỗ trợ thương thảo hợp đồng gói thầu EPC ĐMT Vĩnh Tân 2 (50MW) đã được chủ đầu tư phê duyệt ngày 07/08/2018 cho công tác lập BCNCKT và công tác lập HSMT, đánh giá HSDT và hỗ trợ thương thảo hợp đồng gói thầu EPC ngày 29/11/2018.
 - + Hoàn thành BCNKT ĐMT BMT (30MW) được Sở Công Thương tỉnh Đak lak thông qua TKCS ngày 08/10/2018.
- Các dự án ĐMT và điện gió trong năm 2018 và tiếp tục thực hiện:
 - + Lập BSQH các dự án NMD gió: NMD gió B&T (200MW); NMD gió Đầm Nại giai đoạn 3-4 (50MW), NMD gió GoldWind 1,2&3 (3x50MW),

- BPP Vĩnh Châu giai đoạn 2&3 (2x30MW), NMD gió Hường Sơn 2 (50MW).
- + Lập BSQH các dự án ĐMT: ĐMT Đồng Nơ (50MW), ĐMT Châu Pha (50MW), ĐMT Đồng Xoài (50MW), ĐMT Marshall An Giang (50MW)
 - + Lập BCNCKT các dự án ĐMT Phú Lạc (50MW), ĐMT EASUP (50MW);
 - + Lập BCNCKT các NMD gió: Sunpro-Bến Tre (30MW), BPP Vĩnh Châu giai đoạn 1 (30MW), NMD gió Công Hải 1 (30MW), NMD gió Hiệp Thành (78MW), NMD gió Hường Phùng 1 (30MW).
 - + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng EPC các dự án ĐMT: BMT (30MW); Vĩnh Tân 2 (50MW).
 - Tham gia tổ hợp nghiên cứu phát triển NMD gió ngoài khơi Kê Gà với quy mô 3400 MW (6 giai đoạn) là dự án năng lượng gió trên biển đầu tiên và có quy mô lớn nhất tại Việt Nam hiện nay.

4. Tình hình tài chính

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
I Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	214.057.271.902	216.578.960.513	2.521.688.611
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	104.218.416.418	86.295.430.029	-17.922.986.389
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	13.896.190.000	220.790.000	-13.675.400.000
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	63.456.078.765	101.716.571.588	38.260.492.823
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(8.171.012.471)	(12.458.331.505)	-4.287.319.034
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	32.238.049.027	28.114.557.220	-4.123.491.807
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	248.537.692	231.611.676	-16.926.016
II Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	62.264.764.199	74.396.854.065	12.132.089.866
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	153.000.000	2.299.122.757	2.146.422.757
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	32.226.778.971	29.245.706.076	-2.981.072.895
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221-BCĐKT	20.434.109.245	18.454.145.421	-1.979.963.824
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	224-BCĐKT			
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	227-BCĐKT	11.792.669.726	10.791.560.655	-1.001.109.065
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT			
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	16.421.080.349	19.105.432.000	2.684.351.651
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	2.352.595.699	2.777.140.232	424.544.533
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	178.983.897.283	189.220.037.875	10.236.140.592
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	178.983.897.283	189.220.037.875	10.236.140.592

Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	97.338.138.818	101.755.776.703	4.417.637.885
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	97.338.138.818	101.755.776.703	4.417.637.885
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>48.684.270.000</i>	<i>82.760.800.000</i>	<i>34.076.530.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng 5,3% so với năm trước chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn năm nay tăng so với năm trước. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay tăng so với năm trước do hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn.

b) Tình hình nợ phải trả

Phải trả người bán ngắn hạn năm 2018 so với năm 2017 giảm 21 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm 72,18%. Sự thay đổi giá trị nợ phải trả của công ty trên đây là điều hợp lý vì công ty chủ trương giảm thuê tư vấn phụ nước ngoài nên nợ phải trả giảm đảm bảo cân đối thanh toán trong ngắn hạn.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

Chiến lược Công ty giai đoạn 2018 – 2022 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, trên cơ sở đó Ban Tổng Giám đốc đã cho triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Cụ thể, ngay từ đầu năm, Công ty đã thiết lập hệ thống KPIs các cấp nhằm triển khai và kiểm soát đồng bộ, xuyên suốt các mục tiêu Công ty, từ đó giúp các cấp quản lý xây dựng các kế hoạch, biện pháp thực hiện kịp thời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018;

Kết hợp cùng hệ thống giao việc và đánh giá hiệu quả công việc là chính sách thưởng/phạt tiền lương áp dụng đối với cấp Trưởng phòng, Ban Giám đốc Chi nhánh, Trung tâm... với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng... đã trở thành công cụ hữu ích để khuyến khích các cấp quản lý tổ chức điều hành hoạt động của đơn vị ngày một hiệu quả, giúp năng suất lao động bình quân năm 2018 tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017, thu nhập của người lao động từ đó cũng tăng 12,12%;

Đối với cá nhân, năm 2018 Công ty tiếp tục áp dụng mô hình nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh: định kỳ hàng quý lựa chọn các gương điển hình xuất sắc nhất trong số các tập thể xuất sắc của Công ty lên bảng danh dự, website Công ty và có chế độ thưởng xứng đáng đối với các cá nhân này. Đặc biệt năm 2018, Công ty tập trung vào chính sách khuyến khích kịp thời cán bộ, người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, người có nhiều đóng góp sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, có thành tích vượt trội. Thông qua các hoạt động này, đã tác động tích cực đến toàn thể người lao động, qua đó mọi thành viên đều luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quy định liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng các văn bản hiện hành của cấp trên và phù hợp với công cụ quản lý, đáp ứng kỳ vọng của Công ty.

5.2. Công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Với mục tiêu trọng tâm của Tập đoàn năm 2018: “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, đối với đơn vị tư vấn nói chung, EVNPECC3 nói riêng, thì đây là mục tiêu, định hướng phát triển lâu dài, xuyên suốt mọi giai đoạn để đảm bảo nâng cao năng lực tư vấn, trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Nhằm đáp ứng được mục tiêu trên, năm 2018 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện hàng loạt các hoạt động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

- *Hoạt động nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo và quản lý:* Công ty đã xây dựng bảng chuẩn năng lực và kế hoạch phát triển đội ngũ quản lý cấp trung, cấp cao để đảm bảo có kiến thức về quản lý và áp dụng các công cụ quản lý bài bản. Trên cơ sở khung năng lực và từ điển năng lực, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá để làm cơ sở cho việc đào tạo. Năm 2018 đã thực hiện một loạt các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý như: Lãnh đạo kiến tạo; Lãnh đạo kế nghiệp; Kỹ năng quản lý...

- *Xây dựng hệ thống quản trị tri thức:* Hệ thống quản trị tri thức đã được Công ty xây dựng và khai thác hiệu quả bởi Quy định quản lý chương trình quản trị tri thức (QĐ-IT-10) ban hành tháng 3/2018. Quy định được xây dựng nhằm xác lập cơ chế cập nhật thông tin, chia sẻ các tài liệu đào tạo, kỹ thuật, tài liệu thiết kế... nhằm lưu trữ thông tin, tài liệu và cung cấp, chia sẻ tri thức để mọi người có thể học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, góp phần phát triển và nâng cao giá trị cho Công ty. Hỗ trợ cho hoạt động quản trị tri thức là các phần mềm Quản lý dự án (PMS); Thư viện điện tử; Quản trị tri thức; Đào tạo trực tuyến (Elearning)

- *Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp:* Công ty tiếp tục duy trì và thúc đẩy hiệu quả hoạt động xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho NLD nhằm tạo đội ngũ nhân lực chất lượng, có đủ năng lực đảm nhận vị trí cao hơn trong tương lai, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty...

Hỗ trợ công tác trên là bộ tài liệu về “Từ điển năng lực”, “Khung năng lực” cho các vị trí chức danh, dựa trên các tài liệu này, Công ty tổ chức rà soát và đánh giá định kỳ, sử dụng kết quả đánh giá kết hợp cùng kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của NLD làm định hướng công tác đào tạo, giúp NLD nhận biết mình đang đứng vị trí nào trong lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân, từ đó chủ động có giải pháp nâng cao năng lực cho chính mình.

- *Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* Đào tạo nâng cao năng lực cho NLD là công việc thường xuyên, liên tục của Công ty xuyên suốt trong nhiều năm qua và đặc biệt trong năm 2018.

Năm 2018, Công ty tiếp tục đưa vào triển khai học hỏi và phát triển các mục tiêu chính về phát triển năng lực đội ngũ, đặc biệt chú trọng đào tạo các năng lực cốt

lỗi, kỹ năng mềm cho NLD... Bên cạnh đó, Công ty đã trang bị phần mềm học trực tuyến - Elearning và các khóa học trực tuyến nhằm giúp NLD có thể dễ dàng tham gia học tập mọi lúc, mọi nơi. Kể từ đầu năm đến hết tháng 10/2018, Công ty đã thực hiện được 106 chương trình đào tạo, cho 1.645 lượt người, riêng các chương trình đào tạo trực tuyến đã thu hút được 298 lượt người tham gia và hoàn thành các khóa học;

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

Tiếp nối thành công từ mục tiêu: “Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ” năm 2017 của Tập đoàn nói chung và của EVNPECC3 nói riêng, năm 2018 EVNPECC3 vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý cũng như mang đến sự hài lòng cho khách hàng.

Song song với việc ứng dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý và sản xuất, Công ty luôn chú trọng, tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2018, Công ty hoàn thành và phát triển được 8 đề tài nghiên cứu khoa học, trên 20 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào quá trình sản xuất.

5.4. Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:

Trong chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018 – 2022 đã nhận định, điều quan trọng nhất cho thực hiện thành công chiến lược chính là vai trò của người lãnh đạo cao nhất và Văn hóa Công ty. Với nhận định này, cùng với kết quả của chuỗi các hoạt động xây dựng niềm tin được thực hiện năm 2017, Công ty đã hiệu chỉnh và ban hành tài liệu Văn hóa doanh nghiệp mới, truyền thông sâu rộng đến NLD, đồng thời tổ chức khảo sát, thăm dò ý kiến NLD về bộ tài liệu mới này...., Bộ tài liệu VHDN hiệu chỉnh đã thể hiện sự quyết tâm của đội ngũ lãnh đạo Công ty và toàn thể NLD về xây dựng hình ảnh nhà tư vấn chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực.

5.5. Cải tiến hệ thống Quy chế, Quy trình, Quy định trong công tác quản lý:

Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo...cho các bên liên quan bằng file; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại...

Hệ thống các Quy chế, Quy trình, Quy định... hiện hành của Công ty đảm bảo sự phù hợp và nhất quán, liên tục cải tiến để phù hợp với mục tiêu quản lý, sản xuất và phát triển Công ty. Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

5.6. Về công tác đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp:

EVN đang thực hiện các thủ tục thoái vốn tại EVNPECC3, về phía Công ty một mặt luôn phối hợp để đảm bảo công tác thoái vốn được thực hiện đúng tiến độ và yêu cầu, mặt khác Công ty cũng chủ động tổ chức, sắp xếp, đề ra các kế hoạch hoạt

động để đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm.

Đối với các chính sách liên quan tới người lao động, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo đến đời sống và lợi ích cho NLD cao hơn Luật định, như chính sách đào tạo, chính sách thu nhập, chính sách bảo hiểm, chế độ nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ dưỡng...

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

6.1. Mục tiêu

- Doanh thu tự làm đạt 307 tỷ, lợi nhuận trước thuế 20 tỷ.
- 90% khách hàng đánh giá PECC3 là TOP1 ở Việt Nam về các mảng Trạm, NLTT, Môi trường và QLDA.
- Nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý ISO trong sản xuất kinh doanh của Công ty trọng tâm:
 - + ISO 9001:2015: Tập trung hoàn thiện hệ thống nhận diện và các biện pháp kiểm soát rủi ro;
 - + ISO 27001:2013: Cải tiến hệ thống tài liệu; Tăng cường kiểm soát sự tuân thủ và sự thông suốt của hệ thống.
- Nâng cao nhận thức về văn hóa PECC3 và tạo ra sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị.

6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu sau năm 2019:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn truyền thống như: lập quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập dự án và công tác tư vấn liên quan đến nguồn và lưới điện với khách hàng lớn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt nam, các Tổng Công ty Phát Điện, các Tổng Công ty Điện lực thuộc EVN và Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia (NPT).
- Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của TTg CP về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam mở ra một cơ hội rất tốt cần nắm bắt ngay thời cơ trong năm 2019 để tham gia các gói thầu tư vấn cũng như EPC trong lĩnh vực điện gió.
- Tham gia liên danh liên kết để thực hiện các gói thầu EPC các dự án điện.
- Xây dựng quy trình thuê và quản lý chuyên gia nước ngoài thực hiện các dự án điện tại Việt Nam do Công ty ký kết với các khách hàng.

6.3. Các giải pháp thực hiện

6.3.1. Doanh thu đạt 307 tỷ, lợi nhuận đạt 20 tỷ:

- Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng.
- Cải tiến quy trình thực hiện đấu thầu QT-KH-04 để tăng cường chất lượng hồ sơ chào thầu. Nghiên cứu khách hàng để tìm ra các nguyên nhân không trúng thầu.
- Chủ động sáng tạo, nghiên cứu, đề xuất sự cần thiết để tạo nhu cầu đầu tư các Công trình Điện cho khách hàng nhằm tìm kiếm những công việc mới.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các giải pháp tối ưu liên quan đến mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động.

6.3.2. 90% khách hàng đánh giá PECC3 là TOP1 về sản phẩm tư vấn thiết kế Trạm biến áp, Năng lượng tái tạo, Môi trường và Quản lý dự án

Đây là mục tiêu hàng đầu của Công ty nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch trong sản xuất kinh doanh. Các công việc cụ thể như sau:

- Chăm sóc khách hàng và tìm hiểu để khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của PECC3.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm, hồ sơ tư vấn phải được thực hiện theo đúng quy trình qui phạm và thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng. Đặc biệt các sản phẩm liên quan đến Trạm, NLTT, Môi Trường và công tác QLDA.

6.3.3. Tuân thủ quy trình, xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin:

- Tuân thủ quy trình. Ứng dụng công nghệ mới, kiểm soát chất lượng nội bộ. Cải tiến liên tục các quy trình nhằm nâng cao hiệu lực và nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, rà soát và hiệu chỉnh các quy trình liên quan đảm bảo hệ thống quản lý vận hành tốt, vận hành ổn định hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000.
- Áp dụng triệt để và có hiệu quả thang bảng lương mới. Đánh giá theo các chỉ tiêu trọng yếu (KPI) đến từng cá nhân cán bộ kỹ sư.
- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý và đánh giá công việc (KPI, KPO) thông qua bảng điểm cân bằng (BSC) trong tất cả các đơn vị của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến quán triệt đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2018.

6.3.4. Nâng cao nhận thức về văn hóa PECC3 và tạo ra sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị:

- Xây dựng Văn hóa công ty, tăng cường việc giám sát nội qui lao động. Nâng cao tính tự giác, kích thích niềm đam mê, lòng yêu nghề, nhiệt huyết

trong công việc được đảm nhận. Xây dựng niềm tin trong tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi, chủ động trong công việc, hợp tác tốt giữa các cá nhân và đơn vị trên tinh thần chính trực, tin cậy, chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả, học hỏi phát triển, đoàn kết hợp tác và thân thiện.

- Đào tạo nâng cao các kỹ năng cơ bản của kỹ sư tư vấn, kích thích phối hợp làm việc nhóm. Tăng cường công tác tự đào tạo và đào tạo nội bộ để tăng hiệu quả và giảm chi phí đào tạo đặc biệt là các kỹ năng mềm như quản lý, làm việc nhóm và ngoại ngữ.
- Đẩy mạnh và thường xuyên đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, đưa những tấm gương điển hình tiên tiến cụ thể để xúc tiến phát triển văn hóa hợp tác tạo sức mạnh.

7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 là năm hoạt động thứ 11 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a) Thuận lợi:

- Năm 2018 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2017, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH năm 2018.

b) Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHQĐ năm 2018 thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2018.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 3 năm 2018.

b) Các hoạt động khác:

- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HĐQT**

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

- Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 33 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

- Ông Nguyễn Phú Gia: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sỹ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sĩ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

- **Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Ủy viên HĐQT**

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;

Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Quá trình công tác:

Từ 01/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	37.676	2.422.128 (29,27% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	21.573	1.859.654 (19,51% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
3	Nguyễn Phú Gia (Thành viên HĐQT độc lập)	UV. HĐQT	13.623	0
4	Nguyễn Như Hoàng Tuấn	UV. HĐQT	4.503	0

- Ông Nguyễn Phú Gia là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ông được các cổ đông bầu vào hội đồng quản trị trong kỳ đại hội ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ông Nguyễn Phú Gia được đào tạo tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc với bằng tốt nghiệp là Tiến sỹ về ngành nhiệt cơ học. Hiện nay ông Nguyễn Phú Gia là cán bộ hưu trí và ông luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị đối với ban điều hành của Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: longnv@pecc3.com.vn

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị

và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV.HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
3	Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	08	100%	
4	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 21/04/2017	08	100%	

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
1	0005/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I năm 2018)	03/01/2018	<p>Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2017 với doanh thu ước đạt 388,351 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:</p> <p>a) Kế hoạch doanh thu: Giá trị doanh thu kế hoạch năm 2018: 355,7 tỷ đồng (Trong đó Doanh thu tự làm là 307 tỷ đồng)</p> <p>b) Kế hoạch trang bị TS cố định: 9,018 tỷ đồng</p> <p>c) Kế hoạch đầu tư xây dựng: 15,400 tỷ đồng</p>

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
			<p>Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn giá tiền lương thiết kế tự làm: 535đ/1000đ - Đơn giá tiền lương giám sát thi công tự làm: 590đ/1000đ - Đơn giá tiền lương khảo sát tự làm: 520đ/1000đ. <p>Điều 4. Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>Công ty dự kiến tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào cuối tháng 3 năm 2018.</p> <p>Điều 5. Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc được quyền sử dụng khu đất tại quận 2 – Tp. Hồ Chí Minh và quyền sử dụng khu đất tại xã Vĩnh Tân – huyện Liên Hương – tỉnh Bình Thuận của Công ty để làm tài sản đảm bảo nghĩa vụ vay vốn, ký kết các hợp đồng bảo đảm, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh có liên quan đến quan hệ tín dụng với ngân hàng phục vụ công tác sản xuất kinh Doanh của Công ty từ năm 2018 đến năm 2022.</p> <p>Điều 6. Thống nhất chủ trương thành lập bộ phận Tính toán phân tích hệ thống điện trực thuộc Phó Tổng Giám đốc phụ trách lưới điện.</p>
2	0068/NQ-HĐQT (Hợp HĐQT thường kỳ quý II năm 2018)	30/03/2018	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2017, chi tiết cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu tự làm để tính lương: 284.636.155.839 đồng - Tổng quỹ lương thực hiện: 152.252.845.553 đồng <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc chi thưởng khuyến khích cho Tổng Giám đốc với mức thưởng 0,15% Doanh thu tự làm năm 2017.</p> <p>Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chương trình, các báo cáo và các tờ</p>

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
			trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	0102/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	16/04/2018	Điều 1. Đổi tên “ Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân ” thành “ Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới ” từ ngày 01 tháng 05 năm 2018.
4	0141/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	15/06/2018	Điều 1. HĐQT quyết định chọn Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2018. Điều 2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam với điều kiện giá không được vượt nhà thầu có giá thấp nhất.
5	0155/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý 3 năm 2018)	06/07/2018	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và Phương án triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; Điều 2. Thông qua việc bổ sung chức năng cho phòng Kỹ thuật & Quản lý chất lượng như theo tờ trình số 1959/TTr - TVĐ3 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Công ty; Điều 3. Thông qua chủ trương thành lập Ban dự án EPC và ủy quyền Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc như biên bản cuộc họp.
6	0202/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý 4 năm 2018)	05/10/2018	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 09 tháng đầu năm 2018 và các bước tiếp theo để thực hiện nhiệm vụ các tháng còn lại của năm 2018. Giao cho Công ty hiệu chỉnh kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ năm 2018 và trình HĐQT thông qua trong tháng 10 năm 2018. Điều 2. Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Trí Trinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/07/2018 cho đến khi nghỉ hưu theo chế độ và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký quyết định bổ nhiệm trên. Điều 3. Thống nhất chủ trương để triển khai

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
			thực hiện các hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày thành lập công ty. Giao cho Tổng Giám đốc phê duyệt và tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết cho các hoạt động nêu trên. Điều 4. Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty.
7	0218/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	25/10/2018	Điều 1: Điều chỉnh kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2018 như sau: KH mua sắm TSCĐ năm 2018: 9,020 tỷ đồng KH mua sắm TSCĐ điều chỉnh: 2,197 tỷ đồng
8	0235/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	12/12/2018	Điều 1. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018-2023. Điều 2. Bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Vinh – Trưởng phòng Tài chính kế toán, giữ chức Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	024654756	A2-07-05 Khu Căn Hộ Giai Việt số 856 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP.HCM	2.757	0,033%
2	Nguyễn	Thành viên	012212614	P512, L1, 93	0	0



	Minh Hiếu	BKS		Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội		
4	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	024865465	14/12/2 Đường 24, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Công tác triển khai giám sát, kiểm soát theo kế hoạch của năm 2018 đã được đại hội cổ đông thông qua.

Trong năm 2018, ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát một số nội dung chính, bao gồm:

- Thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động điều hành và thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 31-03-2018.
- Theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quý 1, 6 tháng và cả năm 2018.
- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và công nợ của năm 2018.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2018 và báo cáo tài chính cả năm 2018.
- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty cụ thể:

+ Ngày 21/3/2018 : Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại Công ty các nội dung sau: Thẩm định báo cáo tài chính của năm 2017 thông qua kiểm tra chứng từ sổ sách. Xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2017. Đánh giá tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2017 và các nội dung liên quan.

+ Ngày 26/9/2018: Kiểm soát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 6 tháng đầu năm 2018. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2018 với các nội dung cụ thể kiểm tra chi phí sản xuất, chi phí mua sắm tài sản và công tác quản lý công nợ của liên quan đến hoạt động 6 tháng đầu năm 2018.

Sau các đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Các biên bản làm việc của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	22/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> + Thẩm định báo cáo tài chính kế toán năm 2017. + Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017. + Kiểm soát tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua ngày 31/3/2018. + Một số nội dung bao gồm: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	26/9/2018	<ul style="list-style-type: none"> + Thẩm định báo cáo và kiểm tra công tác lập báo tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2018. + Kiểm soát, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018. + Đánh giá hoạt động 6 tháng đầu năm 2018

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
			của Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 429.360.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 366.960.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 60.000.000 đồng
- Nguyễn Như Hoàng Tuấn – UV HĐQT: 1.076.527.660 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 671.291.000 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 680.376.000 đồng

- Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát: 382.560.000 đồng
- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát: 42.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên Ban kiểm soát: 300.167.226 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Ngày 09 tháng 3 năm 2018, ông THÁI TUẤN TÀI – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc có báo cáo mua 16.000 cổ phiếu TV3.
- Ngày 03 tháng 8 năm 2018, ông THÁI TUẤN TÀI – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc có báo cáo mua 10.500 cổ phiếu TV3.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.578.960.513	214.057.271.902
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	86.295.430.029	104.218.416.418
1. Tiền	111		32.295.430.029	63.381.328.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	40.837.088.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		220.790.000	13.896.190.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	220.790.000	220.790.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	13.675.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.716.571.588	63.456.078.765
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.285.092.157	67.390.526.577
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.978.058.410	1.455.586.993
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.911.752.526	2.780.977.666
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(12.458.331.505)	(8.171.012.471)
IV. Hàng tồn kho	140	9	28.114.557.220	32.238.049.027
1. Hàng tồn kho	141		28.114.557.220	32.238.049.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		231.611.676	248.537.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	231.611.676	248.537.692
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.396.854.065	62.264.764.199
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.268.575.757	11.264.309.180
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	20.969.453.000	11.111.309.180
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	2.299.122.757	153.000.000
II. Tài sản cố định	220		29.245.706.076	32.226.778.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	18.454.145.421	20.434.109.245
- Nguyên giá	222		48.575.002.349	49.006.089.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.120.856.928)	(28.571.980.635)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	10.791.560.655	11.792.669.726
- Nguyên giá	228		17.152.860.442	16.693.762.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.361.299.787)	(4.901.092.549)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.105.432.000	16.421.080.349
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	19.672.432.000	19.450.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(567.000.000)	(3.028.919.651)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.777.140.232	2.352.595.699
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.777.140.232	2.352.595.699
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		290.975.814.578	276.322.036.101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		189.220.037.875	178.983.897.283
I. Nợ ngắn hạn	310		189.220.037.875	178.983.897.283
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.212.935.826	29.520.708.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.866.779.750	62.407.452.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.958.788.393	7.487.812.679
4. Phải trả người lao động	314		96.237.552.060	66.658.552.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.680.739.990	249.194.789
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.851.538.749	11.796.893.110
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.411.703.107	863.283.107
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.755.776.703	97.338.138.818
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	101.755.776.703	97.338.138.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	48.684.270.000
- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	48.684.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.490.000.000	34.030.474.882
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.505.116.703	14.578.533.936
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.049.412.818	617.715.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.455.703.885	13.960.818.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		290.975.814.578	276.322.036.101

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		381.485.576.182	400.545.053.218
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.220.269.143	526.927.747
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	380.265.307.039	400.018.125.471
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	23	274.133.944.236	316.447.637.762
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		106.131.362.803	83.570.487.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.602.269.508	2.810.939.777
7. Chi phí tài chính	22	26	(1.995.791.117)	3.127.245.152
8. Chi phí bán hàng	25	27	18.107.147.168	11.560.350.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	63.326.887.593	54.002.528.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		29.295.388.667	17.691.302.864
11. Thu nhập khác	31	28	956.778.410	237.091.772
12. Chi phí khác	32	29	11.560.003.650	152.081.541
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(10.603.225.240)	85.010.231
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.692.163.427	17.776.313.095
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	4.236.459.542	3.815.494.562
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.455.703.885	13.960.818.533
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.572	1.518

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.692.163.427	17.776.313.095
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.705.154.698	4.251.624.568
Các khoản dự phòng	03	1.825.399.383	4.082.311.595
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(102.133.218)	(224.865.786)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.020.813.861)	(2.217.071.356)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.099.770.429	23.668.312.116
Thay đổi các khoản phải thu	09	(52.671.051.796)	18.545.462.160
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.123.491.807	585.062.465
Thay đổi các khoản phải trả	11	8.592.436.085	4.990.618.183
Thay đổi chi phí trả trước	12	(407.618.517)	(118.711.802)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.273.614.461)	(3.063.501.217)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	20.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.213.580.000)	(1.438.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.750.166.453)	43.189.081.905
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.724.081.803)	(5.471.465.251)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	286.126.291	305.154.546
3. Tiền chi cho vay, gửi tiết kiệm	23	-	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi tiền gửi tiết kiệm	24	13.675.400.000	-
5. Tiền chi đầu tư đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(222.432.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.883.079.327	1.733.452.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.898.091.815	(16.432.857.866)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.128.824.300)	(2.124.373.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.128.824.300)	(2.124.373.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(17.980.898.938)	24.631.850.389
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	104.218.416.418	79.420.409.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	57.912.549	166.156.724
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	86.295.430.029	104.218.416.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2011, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Vốn góp của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thứ 9 được cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 486 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 497 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phần điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án, thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;

- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình; dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng; khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 12 tháng hoặc hơn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát thiết kế
Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát thiết kế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng chính và Chi nhánh. Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ được loại bỏ trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt

năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn và là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính dài hạn theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trích lập Quỹ lương

Công ty thực hiện trích lập quỹ lương trong năm theo Nghị quyết được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau



cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	91.393.736	177.563.669
Tiền gửi ngân hàng	32.204.036.293	63.203.764.749
Các khoản tương đương tiền	54.000.000.000	40.837.088.000
	86.295.430.029	104.218.416.418

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất tại các ngân hàng thương mại từ 4,5% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6%/năm).

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	-	-	-	-
	220.790.000	1.062.553.800	220.790.000	1.210.881.000
	220.790.000	1.062.553.800	220.790.000	1.210.881.000

Tại ngày báo cáo, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung dựa vào giá thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Giá trị hợp lý của cổ phiếu phản ánh số tiền dự kiến có thể thực hiện được.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	99.285.092.157	67.390.526.577
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba	47.378.997.546	18.523.560.146
Sở Công Thương Bình Thuận	1.228.942.200	-
Sở Công Thương Cần Thơ	855.676.000	855.676.000
Sở Công Thương Lâm Đồng	1.798.000.000	-
Sở Công Thương Sóc Trăng	1.257.909.000	-
Sở Công Thương Tây Ninh	1.671.420.000	-
Sở Công Thương Tiền Giang	1.083.130.000	-
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	1.254.546.000	-
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	-	1.281.330.629
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
Công ty CP Đầu tư Thủy điện Anpha	1.035.721.726	345.965.666
Công ty CP Quang Đức Kon Tum	572.105.250	572.105.250
Sở Công Thương Đắk Lắk	-	599.000.000
Công ty CP thủy điện Văn Phong	571.708.716	634.896.335
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	1.030.411.494	-
Sở Công Thương Hậu Giang	1.946.343.500	-
Công ty CP thủy điện A Vương	961.463.986	-
Công ty TNHH điện Xêkhaman 1	3.804.658.994	1.990.538.100
Sumitomo Corporation	7.466.781.960	-
Công ty CP Đầu tư & LDTB NM thủy điện Đa Dâng	1.024.000.000	533.075.000
Công ty CP Năng Lượng Tái Tạo BMT	847.359.300	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.339.147.203	-
BĐH DA TĐ Đồng Nai 5	1.280.541.000	-
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Ecotech Trà Vinh	3.094.200.000	-
Công ty CP khai thác TĐ Sông Giang	1.100.083.384	1.196.083.384
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	438.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	249.671.267	249.671.267
Công ty CP Điện Việt Lào	856.181.818	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.510.578.902	5.164.802.669
Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	51.906.094.611	48.866.966.431
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	20.969.453.000	11.111.309.180
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba	5.175.834.722	2.882.325.981
Sở Công Thương An Giang	494.721.000	-
Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam	841.639.222	220.135.907
Công ty CP Phú Thạnh Mỹ	-	236.048.300
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.748.428.980	43.548.351
Công ty CP Đầu tư Thủy điện Anpha	79.624.289	295.880.349
Ban QLDA huyện Côn Đảo	590.044.516	590.044.516
Sở Công Thương Đắk Lắk	52.500.000	394.500.000
Tổng Cty CP ĐTXD và TM Việt Nam	593.984.898	593.984.898
Sở công thương Kon Tum	399.470.000	399.470.000
Ban QLDA ĐL Dầu Khí Long Phú 1	255.066.654	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	120.355.163	108.713.660
Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	15.793.618.278	8.228.983.199
	<u>120.254.545.157</u>	<u>78.501.835.757</u>

Các khoản nợ phải thu khó đòi đã được lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư Số 228/2009/TT-BTC và được trình bày tại Thuyết minh số 8.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Phải thu thuế thu nhập cá nhân dự án thủy điện Xêkaman 1	-	201.238.190
Phải thu tạm ứng	1.830.780.194	1.828.396.926
Ký cược, ký quỹ (*)	7.170.450.662	5.000.000
Bảo hiểm xã hội	257.335.785	257.184.597
Bảo hiểm thất nghiệp	6.915.145	-
Phải thu khoản bồi thường dự án Trảng Bàng - Tây Ninh	2.515.061.993	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	94.172.222	418.357.339
Phải thu ngắn hạn khác	37.036.525	70.800.614
	11.911.752.526	2.780.977.666
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.299.122.757	153.000.000
	14.210.875.283	2.933.977.666

(*) Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn để đảm bảo bảo lãnh hoàn trả tạm ứng cho các dự án tại Công ty.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.418.828.407	1.209.414.203	1.209.414.204	-	-	-
Sở Công Thương Cần Thơ	855.676.000	427.838.000	427.838.000	855.676.000	598.973.200	256.702.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	1.530.124.754	3.570.291.092	5.100.415.846	2.550.207.923	2.550.207.923
Công ty TNHH điện Xêkaman 1	1.204.208.100	644.463.230	559.744.870	1.282.536.100	641.268.050	641.268.050
Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	1.100.083.384	426.764.000	673.319.384	1.048.155.384	-	1.048.155.384
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	-	479.128.000	479.128.000	-	479.128.000
Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum	572.105.250	-	572.105.250	572.105.250	-	572.105.250
Khác	7.556.800.764	2.590.310.059	4.966.490.705	3.746.507.190	1.123.062.126	2.623.445.064
	19.287.245.751	6.828.914.246	12.458.331.505	13.084.523.770	4.913.511.299	8.171.012.471

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	236.887.417	-	162.374.175	-
Công cụ, dụng cụ	5.381.074	-	9.881.896	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.872.288.729	-	32.065.792.956	-
	28.114.557.220	-	32.238.049.027	-

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	231.611.676	248.537.692
	231.611.676	248.537.692
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.777.140.232	2.352.595.699
	2.777.140.232	2.352.595.699

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	13.196.031.024	13.012.129.212	19.061.285.038	3.736.644.606	49.006.089.880
Mua sắm mới	-	-	-	1.264.983.636	1.264.983.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(156.237.955)	(1.501.633.212)	(38.200.000)	(1.696.071.167)
Số cuối năm	13.196.031.024	12.855.891.257	17.559.651.826	4.963.428.242	48.575.002.349
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.215.067.937	9.301.070.643	11.072.839.260	2.983.002.795	28.571.980.635
Trích khấu hao trong năm	776.486.760	749.563.239	1.250.386.745	468.510.716	3.244.947.460
Thanh lý, nhượng bán	-	(156.237.955)	(1.501.633.212)	(38.200.000)	(1.696.071.167)
Số cuối năm	5.991.554.697	9.894.395.927	10.821.592.793	3.413.313.511	30.120.856.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	7.204.476.327	2.961.495.330	6.738.059.033	1.550.114.731	18.454.145.421
Tại ngày đầu năm	7.980.963.087	3.711.058.569	7.988.445.778	753.641.811	20.434.109.245

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 15.733.100.492 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.158.126.973 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	10.706.370.572	5.987.391.703	16.693.762.275
Tăng trong năm	-	459.098.167	459.098.167
Số cuối năm	10.706.370.572	6.446.489.870	17.152.860.442
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.249.232.637	3.651.859.912	4.901.092.549
Trích khấu hao trong năm	198.171.480	1.262.035.758	1.460.207.238
Số cuối năm	1.447.404.117	4.913.895.670	6.361.299.787
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	9.258.966.455	1.532.594.200	10.791.560.655
Tại ngày đầu năm	9.457.137.935	2.335.531.791	11.792.669.726



Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.606.802.690 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.606.802.690 đồng).

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	16.300.000.000	16.300.000.000
Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8	222.432.000	-
	19.672.432.000	19.450.000.000

Các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8 thể hiện khoản góp vốn đầu tư cho mục đích chiến lược lâu dài.

14. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 về "Hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	567.000.000	630.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	-	2.398.919.651
	567.000.000	3.028.919.651

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác VND
Tại ngày đầu năm	3.028.919.651
Hoàn nhập dự phòng	(2.461.919.651)
Tại ngày cuối năm	567.000.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Fichtner GmbH & Co.KG	-	11.367.500.000
Tractebel Engineering S.A	4.047.115.856	11.364.398.491
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500
Công ty Cổ phần Kỹ thuật 168	-	480.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	-	1.036.000.000
Công ty TNHH TMDV Nam Việt	923.868.625	764.417.000
Cty CP Thiết kế - Tư vấn XD Cần Thơ	722.182.175	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.617.871.889	2.288.741.690
	7.450.853.045	27.440.871.681
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)		
	762.082.781	2.079.836.734
	8.212.935.826	29.520.708.415

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí cho các dự án, công trình	4.430.739.990	249.194.789
Chi phí dịch vụ	250.000.000	-
	4.680.739.990	249.194.789

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.769.640.281	4.236.459.542	3.273.614.461	2.732.485.362
Thuế giá trị gia tăng	4.955.171.679	25.803.705.951	21.836.085.958	8.922.791.672
Thuế thu nhập cá nhân	763.000.719	12.445.419.637	12.904.908.997	303.511.359
Thuế khác	-	6.484.229.564	6.484.229.564	-
	7.487.812.679	48.969.814.694	44.498.838.980	11.958.788.393

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	101.192.020	35.178.980
Bảo hiểm xã hội	35.956.997	-
Bảo hiểm y tế	71.874.053	83.736.455
Bảo hiểm thất nghiệp	907.888	12.686.427
Phải trả cổ tức cho cổ đông	609.431.575	462.189.875
Chi phí công trình phải trả	5.151.134.717	60.500.000
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	6.868.999.772	9.413.023.657
Phải trả cán bộ công nhân viên về khoản tạm ứng	659.015.312	423.074.336
Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.026.415	1.306.503.380
	13.851.538.749	11.796.893.110

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.276.080	4.868.427
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.276.080	4.868.427
Số cổ phần đang lưu hành	8.276.066	4.868.413
Số cổ phiếu quỹ	14	14
Mệnh giá cổ phần (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường Công ty số 0225/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 12 năm 2017, căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 01 năm 2018, Công ty đã phát hành 3.407.653 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:7 từ nguồn quỹ đầu tư và phát triển, thặng dư vốn cổ phần và một phần nhỏ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, tương đương 34.076.530.000 đồng.

Vốn cổ phần đã được các cổ đông góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.037.134	48.78%	40.371.340.000	2.374.785	48.78%	23.747.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	655.958	7.93%	6.559.580.000	332.152	6.82%	3.321.520.000
Ông Trần Quốc Điền	423.721	5.12%	4.237.210.000	249.255	5.12%	2.492.550.000
Cổ đông khác	3.159.253	38.17%	31.592.530.000	1.912.221	39.28%	19.122.210.000
Cổ phiếu quỹ	14	0.00%	140.000	14	0.00%	140.000
	8.276.080	100%	82.760.800.000	4.868.427	100%	48.684.270.000

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	40.571.640.000	45.000.000	(140.000)	32.378.928.577	14.095.466.708	87.090.895.285
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.960.818.533	13.960.818.533
Chia cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(2.028.575.000)	(2.028.575.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	8.112.630.000	-	-	-	(8.112.630.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.651.546.305	(3.336.546.305)	(1.685.000.000)
Số dư đầu năm nay	48.684.270.000	45.000.000	(140.000)	34.030.474.882	14.578.533.936	97.338.138.818
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.455.703.885	14.455.703.885
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.490.000.000	(5.252.000.000)	(1.762.000.000)
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.076.530.000	(45.000.000)	-	(34.030.474.882)	(1.055.118)	-
Số dư cuối năm nay	82.760.800.000	-	(140.000)	3.490.000.000	15.505.116.703	101.755.776.703

Theo Nghị quyết số 85/NQ-TVĐ3 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017, cụ thể:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 1.396.000.000 đồng, tương đương 10% lợi nhuận sau thuế.
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 3.490.000.000 đồng, tương đương 25% lợi nhuận sau thuế.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo Điều lệ Công ty là 366.000.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt, tương đương 10% vốn điều lệ với số tiền là 8.276.066.000 đồng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho các Cổ đông.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	727.659.27	1.369.933.10
Euro (EUR)	4.083.51	68.518.66
Nợ khó đòi đã xử lý	1.377.348.397	1.067.964.034

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: Văn phòng Công ty, Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện, và Chi nhánh Miền Trung.

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Chi tiêu	Văn phòng Công ty	Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	Chi nhánh miền Trung	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ từng bộ phận	377.279.352.469	59.588.897.182	28.451.124.637	465.319.374.288
Khoản giảm trừ doanh thu của từng bộ phận	(1.220.269.143)	-	-	(1.220.269.143)
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	(1.169.249.233)	(58.888.386.727)	(23.776.162.146)	(83.833.798.106)
Tổng Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	374.889.834.093	700.510.455	4.674.962.491	380.265.307.039
Chi phí bộ phận				
- Giá vốn hàng bán	(204.890.297.287)	(44.794.502.019)	(24.449.144.930)	(274.133.944.236)
- Doanh thu hoạt động tài chính	2.588.859.786	5.245.355	8.164.367	2.602.269.508
- Chi phí tài chính	1.995.791.117	-	-	1.995.791.117
- Chi phí bán hàng	(18.107.147.168)	-	-	(18.107.147.168)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(47.173.859.620)	(13.336.491.830)	(2.816.536.143)	(63.326.887.593)
- Thu nhập khác	951.151.041	2.445.553	3.181.816	956.778.410
- Chi phí khác	(11.560.003.650)	-	-	(11.560.003.650)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.694.328.312	(57.422.792.486)	(22.579.372.399)	18.692.163.427
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.236.459.542)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	98.694.328.312	(57.422.792.486)	(22.579.372.399)	14.455.703.885
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2018				
Tổng tài sản của từng bộ phận	291.112.425.342	39.859.212.456	23.649.711.262	354.621.349.060
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(30.463.550.663)	(24.978.960.848)	(8.203.022.971)	(63.645.534.482)
Tổng tài sản	260.648.874.679	14.880.251.608	15.446.688.291	290.975.814.578
Tổng nợ phải trả của từng bộ phận	186.205.188.907	37.435.859.832	18.697.000.020	242.338.048.759
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(33.181.983.819)	(15.277.305.392)	(4.658.721.673)	(53.118.010.884)
Tổng nợ phải trả	153.023.205.088	22.158.554.440	14.038.278.347	189.220.037.875

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Chi tiêu	Văn phòng Công ty	Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	Chi nhánh miền Trung	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ từng bộ phận	382.804.608.809	50.254.486.943	40.325.706.139	473.384.801.891
Khoản giảm trừ doanh thu của từng bộ phận	(515.195.591)	-	(11.732.156)	(526.927.747)
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	(5.549.586.616)	(46.436.305.125)	(20.853.856.932)	(72.839.748.673)
Tổng Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	376.739.826.602	3.818.181.818	19.460.117.051	400.018.125.471
Chi phí bộ phận				
- Giá vốn hàng bán	(247.279.706.731)	(37.148.594.224)	(32.019.336.807)	(316.447.637.762)
- Doanh thu hoạt động tài chính	2.785.863.596	14.352.378	10.723.803	2.810.939.777
- Chi phí tài chính	(3.127.245.152)	-	-	(3.127.245.152)
- Chi phí bán hàng	(11.560.350.721)	-	-	(11.560.350.721)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(39.995.613.889)	(10.763.489.433)	(3.243.425.427)	(54.002.528.749)
- Thu nhập khác	236.182.682	-	909.090	237.091.772
- Chi phí khác	(131.772.269)	(20.309.272)	-	(152.081.541)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	77.667.184.118	(44.099.858.733)	(15.791.012.290)	17.776.313.095
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.815.494.562)	-	-	(3.815.494.562)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.851.689.556	(44.099.858.733)	(15.791.012.290)	13.960.818.533
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2017				
Tổng tài sản của từng bộ phận	268.518.002.420	25.882.200.431	23.979.822.793	318.380.025.644
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(30.629.853.438)	(9.202.376.979)	(2.225.759.126)	(42.057.989.543)
Tổng tài sản	237.888.148.982	16.679.823.452	21.754.063.667	276.322.036.101
Tổng nợ phải trả của từng bộ phận	166.120.294.664	24.897.260.889	19.027.111.551	210.044.667.104
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(11.428.136.105)	(13.328.243.057)	(6.304.390.659)	(31.060.769.821)
Tổng nợ phải trả	154.692.158.559	11.569.017.832	12.722.720.892	178.983.897.283

22. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	381.485.576.182	400.545.053.218
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	<u>(1.220.269.143)</u>	<u>(526.927.747)</u>
	<u>380.265.307.039</u>	<u>400.018.125.471</u>

23. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	<u>274.133.944.236</u>	<u>316.447.637.762</u>
	<u>274.133.944.236</u>	<u>316.447.637.762</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.211.668.878	8.359.198.753
Chi phí nhân công	188.537.619.836	158.107.633.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.705.154.698	4.251.131.240
Chi phí dự phòng	-	1.053.391.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.571.889.758	167.604.989.098
Chi phí khác	<u>71.805.983.494</u>	<u>42.005.207.972</u>
	<u>389.429.020.061</u>	<u>381.381.552.994</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.485.646.210	2.013.537.810
Cổ tức được chia	73.248.000	73.248.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	941.242.080	499.288.181
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	<u>102.133.218</u>	<u>224.865.786</u>
	<u>2.602.269.508</u>	<u>2.810.939.777</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	466.128.534	98.325.501
	<u>(2.461.919.651)</u>	<u>3.028.919.651</u>
	<u>(1.995.791.117)</u>	<u>3.127.245.152</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	27.203.799.983	24.187.989.555
Chi phí vật liệu quản lý	1.136.521.378	950.508.465
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.061.308.747	811.552.012
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.798.758.701	1.396.185.961
Thuế, phí lệ phí	10.067.064	10.559.975
Chi phí dự phòng	4.596.703.397	1.053.391.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.379.581.882	13.000.238.804
Chi phí bằng tiền khác	12.140.146.441	12.592.102.033
	63.326.887.593	54.002.528.749
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí bán hàng khác	18.107.147.168	11.560.350.721
	18.107.147.168	11.560.350.721

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng thu nhập các khoản KH ứng trước theo BBKTT (ngày 06/12/2018)	665.024.750	-
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	268.181.818	154.954.546
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	17.944.473	19.009.090
Thu nhập từ nợ không phải trả	-	23.128.136
Khác	5.627.369	40.000.000
	956.778.410	237.091.772

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	312.498.047	27.085.376
Chi phí từ công nợ không thu được xử lý	-	54.800.339
Chi phí bồi thường hợp đồng	10.867.483.095	40.526.826
Xử lý công trình tồn đọng	-	24.669.000
Khác	380.022.508	5.000.000
	11.560.003.650	152.081.541

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	3.791.516.621	3.814.651.762
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	444.942.921	842.800
	4.236.459.542	3.815.494.562

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.692.163.427	17.776.313.095
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.055.050.948	1.392.500.408
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(789.631.268)	(95.554.691)
Thu nhập tính thuế	18.957.583.107	19.073.258.812
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.791.516.621	3.814.651.762

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VNI
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty	14.455.703.885	13.960.818.533
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (*)	(1.445.570.389)	(1.396.081.853)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.010.133.497	12.564.736.680
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.572	1.518

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, theo Nghị quyết số 85/NQ-TVDD3 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 10% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với số tiền là 1.398.600.776 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 0225/NQ-TVDD3 ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện là 70%, tương đương 10:7, cụ thể tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu phát hành thêm. Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 30 tháng 01 năm 2018, số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm là 3.407.653 cổ phiếu, tương đương số tiền là 34.076.530.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 8.276.080 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu lưu hành là 8.276.066 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 14 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên của 3.407.653 cổ phiếu niêm yết bổ sung là ngày 02 tháng 4 năm 2018. Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh như sau:

		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp			
		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			
32. C A M	Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Thay đổi
			<u>VND/cổ phiếu</u>	<u>VND/cổ phiếu</u>	<u>VND/cổ phiếu</u>
	Bãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.535	1.518	(1.017)
	Bãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.491	-	(1.491)

TTHUẾ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>3.481.418.182</u>	<u>3.346.909.091</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Trong vòng một năm	<u>3.481.418.182</u>	<u>3.346.909.091</u>
	<u>3.481.418.182</u>	<u>3.346.909.091</u>

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.295.430.029	104.218.416.418
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	13.896.190.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.132.372.934	71.436.404.026
	<u>196.648.592.963</u>	<u>189.551.010.444</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.565.962.241	30.887.711.795
Chi phí phải trả	4.680.739.990	249.194.789
	<u>13.246.702.231</u>	<u>31.136.906.584</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Đô la Mỹ (USD)	44.547.678.694	20.265.301.987	22.731.898.491	4.061.918.130
Euro (EUR)	2.526.500.119	107.927.169	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% (năm 2017: 3%) so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% của Đô la Mỹ (năm 2017: 3%) được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (năm 2017: 3%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng là 654.473.406 đồng (năm 2017: 486.101.516 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn các khách hàng khác nhau chứ không tập trung vào một số khách hàng chính và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.295.430.029	-	86.295.430.029
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	220.790.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.863.797.177	23.268.575.757	110.132.372.934
	173.380.017.206	23.268.575.757	196.648.592.963

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.565.962.241	-	8.565.962.241
Chi phí phải trả	4.680.739.990	-	4.680.739.990
	13.246.702.231	-	13.246.702.231

Chênh lệch thanh khoản thuần	160.133.314.975	23.268.575.757	183.401.890.732
-------------------------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.218.416.418	-	104.218.416.418
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.896.190.000	-	13.896.190.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.172.094.846	11.264.309.180	71.436.404.026
	178.286.701.264	11.264.309.180	189.551.010.444

Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.887.711.795	-	30.887.711.795
Chi phí phải trả	249.194.789	-	249.194.789
	31.136.906.584	-	31.136.906.584

Chênh lệch thanh khoản thuần	147.149.794.680	11.264.309.180	158.414.103.860
-------------------------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối.

Giao dịch trong năm chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Ban QLDA các CTĐ miền Trung	59.090.948.843	54.519.144.417
Tập đoàn điện lực Việt Nam - BQLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	55.204.450.307	80.992.596.762
Ban QLDA các CTĐ miền Nam	42.845.745.714	57.631.182.857
Ban QLDA Điện lực miền Nam	28.103.525.778	8.922.442.605
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2 - CN Tổng Công ty phát điện 2	14.955.644.547	2.770.657.273
Ban QLDA nhiệt điện 3 - CN Cty TNHH MTV TCy Phát điện 1	12.828.246.679	64.938.295.666
Công ty CP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	11.093.186.914	10.285.918.450
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	9.939.234.023	5.664.000.142
Ban QLDA các CTĐ miền Bắc	4.897.871.701	726.291.912
Ban QLDA TTĐL Ô môn	4.750.046.039	6.995.779.890
Công ty Truyền tải điện 3	3.481.109.238	18.182.346.163
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	2.542.925.469	564.077.423
Công ty truyền tải điện 4	2.259.106.622	5.287.171.352
Công ty TNHH Sunpro Bến Tre - Bến Tre số 8	1.750.000.000	-
Công ty TĐ Buôn Kuop	1.740.697.273	4.064.698.801
Ban QLDA nhiệt điện 2	1.686.741.010	2.198.934.915
Công ty TNHH MTV- Tổng Công ty Phát điện 3	1.049.058.011	213.861.625
Công ty thủy điện Trị An	910.300.000	1.927.545.455
CN Genco 3 - Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	875.500.000	196.650.000
Công ty Truyền tải điện 1	748.267.681	578.205.916
Ban Quản lý dự án thủy điện 1	651.363.989	-
Ban QLDA thủy điện 5 - CN Tập đoàn điện lực VN	650.705.890	-
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	639.470.665	-
Công ty TĐ Sông Bung	504.608.898	-
Công ty CP nhiệt điện Bà Rịa	450.897.500	1.294.079.705
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Sê San 3A	440.492.862	-
Công ty cổ phần thủy điện miền Nam	433.818.182	-
Công ty nhiệt điện Duyên Hải	367.323.000	-
Công ty TNHH MTV- Điện lực Đà Nẵng	280.983.708	-
Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	238.866.364	-
Công ty nhiệt điện Phú Mỹ	188.560.000	129.892.291
Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	168.655.044	2.770.657.273
Ban QLDA Lưới điện Miền nam	153.868.909	-
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	129.237.230	-
Ban QLDA Lưới điện - TCTy Điện lực miền Bắc	89.591.454	726.291.912
Công ty Điện lực Long An	87.991.739	-
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	33.233.936	805.454.545
Công ty Truyền tải điện 2	19.415.000	-
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4	-	-
Công ty CP Thủy điện miền Trung	-	806.370.145
Công ty TNHH MTV nhiệt điện Thủ Đức	-	272.727.273
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	364.036.111

Mua hàng

Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	542.536.886	656.940.837
Công ty CP EVN Quốc Tế	-	1.425.067.781
Điện lực Sài Gòn	443.317.808	437.548.184

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	<u>4.009.241.886</u>	<u>4.274.473.282</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn	51.906.094.611	48.866.966.431
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.462.456.883	11.665.410.351
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	7.702.025.768	13.408.323
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	364.525.042	13.938.547
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	120.000.000	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	4.010.206.847	12.084.823.121
Ban QLDA lưới điện TP, HCM	-	100.463.919
Công ty Thủy điện Trị An	1.001.330.000	-
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	-	265.800.000
Công ty Thủy điện Đa Nhim	1.080.082.440	1.455.033.380
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	173.826.912	223.154.095
Công ty CP Thủy điện miền Trung	-	205.200.000
Ban QLDA thủy điện 1	-	1.179.227.847
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	343.924.214	343.924.214
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
Công ty CP thủy điện Đắk Nông	-	50.000.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.871.585.506	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	234.080.000	-
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	16.325.934.105	17.129.916.156
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	6.346.632.750	-
Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	484.542.148	335.951.916
Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	347.191.075	-
Công ty thủy điện Sông Bung	250.706.232	-
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	207.416.000	-
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	-	216.315.000
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	169.255.800	-
Công ty Truyền tải điện 3 EVN	886.061.098	733.561.398
Công ty Truyền tải điện 1	-	359.006.893
Công ty Truyền tải điện 3 Truyền tải điện Lâm Đồng	32.480.520	-
Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung PC3	73.002.864	73.002.864
Phải thu dài hạn	15.793.618.278	8.228.983.199
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.166.643.626	439.509.575
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	1.822.664.426	2.148.627.067
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam PC 2	2.221.385.353	870.298.213
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia CtyTTĐ4	183.236.716	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	319.949.607	-
Ban QLDA lưới điện TP, HCM HCM PC	943.767.362	1.383.133.531
Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	-	925.990.029
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	302.357.330	-
Ban QLDA n/m thủy điện Sơn La	14.246.200	14.246.200
Ban QLDA thủy điện 5	50.674.680	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	-	40.286.450

Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	-
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	334.679.100	334.679.100
Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	770.000.000	-
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	3.593.427.474	1.263.941.474
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938
Ban QLDA lưới điện Tổng Cty Điện lực miền Bắc	88.833.631	70.883.032
Công ty lưới điện Cao Thế Miền Trung	353.487.704	353.487.704
	67.699.712.889	57.095.949.630

Số cuối năm
VND

Số đầu năm
VND

Phải trả

Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	319.959.153	1.042.594.073
Công ty CP EVN Quốc tế	442.123.628	1.037.242.661
	762.082.781	2.079.836.734

Người mua trả tiền trước

Ban QLDA các công trình điện miền Nam	10.444.815.196	3.077.935.533
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.912.775.758	3.942.721.382
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	17.403.272.122	19.817.435.957
Ban QLDA nhiệt điện 3	20.830.358	34.354.877
Ban QLDA lưới điện TP. HCM	2.421.127.163	3.007.605.709
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung	618.000.000	860.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	2.471.075.484	5.300.333.888
Ban QLDA nhiệt điện 2	440.009.179	24.101.177
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.275.438.000	1.500.000.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	2.550.986.309	10.815.423.149
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	658.000.000	1.078.000.000
Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	222.242.625	222.242.625
Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	1.340.380.697	-
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	2.487.192.400	-
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	-	12.500.000
Điện lực Bình Dương	-	44.597.000
Trung tâm tư vấn xây dựng điện	-	12.899.005
Công ty CP Thủy điện miền Nam	-	34.354.877
Công ty thủy điện Sông Bung	-	115.665.598
	47.366.583.554	50.000.609.040

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 94.172.222 VND (2017: 418.357.339 VND), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa được nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 609.431.575 VND (2017: 462.189.875 VND), là số tiền cổ tức trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối. Theo đó, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền tệ nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
TÀI SẢN				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	78.501.835.757	67.390.526.577	(11.111.309.180)
- Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	11.111.309.180	11.111.309.180

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

